

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **86/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 25-5-2018
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Đức N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Nguyễn Thúy A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2005 anh N và chị A tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K (tại giấy chứng nhận kết hôn số 36/2010). Thời kỳ chung sống giữa anh N và chị A có 02 con chung tên: Trần Nhật Ng, sinh 21/6/2006 và Trần Nhật Đ, sinh 28/9/2010 (Cháu Ng hiện đang sống với anh N, cháu Đ hiện đang sống với chị A).

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị A. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Chị A thống nhất với lời trình bày của anh N về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị A đồng ý ly hôn với anh N. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “Ly hôn”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về thủ tục:* Chị An có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng anh N và chị A không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh N và chị A đã sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay, nhưng cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và anh N, chị A thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với nhau, do đó xác định anh N và chị A đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa anh N và chị A là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[5] *Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Anh N và chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí*: Anh N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Trần Đức N và Nguyễn Thúy A.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0008022 ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung